

Số: **05** /2023/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi các Mẫu số 01/DVTHTT, Mẫu số 02/DVTHTT, Mẫu số 05/DVTHTT, Mẫu số 06/DVTHTT và Mẫu số 07/DVTHTT, bổ sung các Mẫu số 09A/DVTHTT, Mẫu số 10A/DVTHTT và Mẫu số 10B/DVTHTT quy định tại khoản 1 Điều 2, như sau:

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 01/DVTHTT
2	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 02/DVTHTT
3	Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 05/DVTHTT
4	Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 06/DVTHTT
5	Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Mẫu số 07/DVTHTT
6	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 09A/DVTHTT
7	Báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 10A/DVTHTT
8	Lập hồ sơ theo dõi nội dung trên dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng và quảng cáo	Mẫu số 10B/DVTHTT

b) Sửa đổi các Mẫu số 13/SXCT và Mẫu số 15/BTCT, bổ sung Mẫu số 16A/SXCT quy định tại khoản 2 Điều 2, như sau:

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước	Mẫu số 13/SXCT
2	Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 15/BTCT
3	Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu	Mẫu số 16A/SXCT

2. Bổ sung các khoản 4a, 4b, 4c, 4d vào sau khoản 4 Điều 4 như sau:

“4a. Định kỳ 6 tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 09A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

4b. Định kỳ hàng tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo nhanh hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 10A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo nhanh, chậm nhất là ngày 15 của tháng báo cáo.

4c. Định kỳ 6 tháng, các cơ quan báo chí được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu có trách nhiệm báo cáo về hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 16A/SXCT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

4d. Báo cáo nghiệp vụ của các cơ quan, doanh nghiệp gửi bằng một trong các phương thức sau về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: trực tiếp, qua đường bưu chính, trực tuyến trên hệ thống báo cáo tại trang thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành và các quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo nội dung thời hạn trong Giấy phép, Giấy chứng nhận đã cấp và phải thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp *dm*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hiệp hội truyền hình trả tiền Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, Các cơ quan và đơn vị thuộc Bộ, Công thông tin điện tử;
- Các cơ quan báo chí có GP hoạt động phát thanh, truyền hình;
- Các đơn vị cung cấp dịch vụ PTTH;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số...do....cấp ngày....tháng....năm....¹

- Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số ...do....cấp ngày....tháng...năm/ Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số...giữa...và..., ký ngày... /Giấy chứng nhận đăng ký tên miền .vn số ... do... cấp ngày... hoặc địa chỉ Internet xác định.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo....cấp ngày.....tháng.....năm....(áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Loại hình dịch vụ (đánh dấu vào ô trống phù hợp):

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát tập trung các kênh chương trình:

¹ Kê khai số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ số Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất đang có hiệu lực.

2.2.1.² Địa điểm chính:.....

2.2.2.³ Địa điểm dự phòng:.....

2.2.3.⁴ Các địa điểm trung tâm thu phát chuyên tiếp tại địa phương:.....

2.3. Thông số về kỹ thuật:

2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh (đối với từng loại dịch vụ):

2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/ phát sóng (đối với từng loại dịch vụ):
.....

2.3.3.⁵ Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung (đối với từng loại dịch vụ):
.....

2.3.4.⁶ Tần số phát sóng (áp dụng với dịch vụ có sử dụng tần số vô tuyến điện):

2.3.5.⁷ Khả năng chèn/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (đối với từng loại dịch vụ):

2.3.6.⁸ Các nội dung khác:

2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (đối với từng loại dịch vụ):

2.4.1. Phạm vi:

2.4.2. Đối tượng:

² Kê khai địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật tiếp nhận và xử lý tín hiệu phát thanh, truyền hình trước khi đưa vào mạng truyền dẫn để cung cấp đến thuê bao.

³ Kê khai tất cả địa điểm dự phòng, là các địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật, có thực hiện việc tiếp nhận và xử lý tín hiệu, đóng vai trò dự phòng cho Trung tâm thu phát chính.

⁴ Kê khai các địa điểm đặt thiết bị thu phát, chuyên tiếp tín hiệu từ Trung tâm thu phát chính tới thuê bao trong quá trình cung cấp dịch vụ.

⁵ Kê khai đầy đủ các hệ thống kỹ thuật khóa mã để bảo vệ nội dung.

⁶ Kê khai tần số vô tuyến điện đối với dịch vụ sử dụng tần số vô tuyến điện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đối với dịch vụ không sử dụng tần số vô tuyến điện thì ghi “không sử dụng”.

⁷ Ghi “Có” đối với các dịch vụ có khả năng chèn kênh chương trình phụ vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương. Ghi “Không” đối với dịch vụ không tách/ghép kênh tại địa phương hoặc dịch vụ không cung cấp kênh chương trình.

⁸ Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, không cung cấp kênh chương trình, kê khai: (1) Độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; (2) Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự; (3) những tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng Internet (app) phục vụ cung cấp dịch vụ; (4) Số lượng trang thiết bị, tính năng kỹ thuật của từng khối chức năng (xử lý tín hiệu, xác thực, khóa mã, quản lý thuê bao, tính cước, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, lưu trữ, truyền dẫn,...) đáp ứng số lượng và chất lượng nội dung dự kiến cung cấp. Đối với loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình có cung cấp kênh chương trình: Chỉ kê khai độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự.

2.4.3.⁹ Phương thức quản lý thuê bao:

2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*quy trình áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ*):

2.4.5.¹⁰ Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):.....

2.5. Tài liệu kèm theo¹¹:

(1).....

(2).....

2.6. Cam kết

(*Tên doanh nghiệp*) cam kết:

2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.

2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên doanh nghiệp*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của đơn vị

(*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào tình đề nghị cụ thể của doanh nghiệp

⁹ Kê khai về phương thức thu thập và lưu trữ thông tin người sử dụng dịch vụ; những phương tiện thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ; quy trình giải quyết khiếu nại và dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên trong cung cấp dịch vụ.

¹⁰ Đối với dịch vụ cung cấp kênh chương trình, kê khai theo nhóm kênh chương trình tại mục 1, Biểu mẫu 05/ DVTHTT Thông tư và nội dung theo yêu cầu (nếu có) trong ba nhóm nội dung sau: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí. Đối với dịch vụ chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, kê khai nội dung dự kiến được phân loại theo ba nhóm nội dung: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí.

¹¹ (1) Văn bản xác nhận quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tên, biểu tượng dịch vụ (logo) và tên, biểu tượng ứng dụng (app) cung cấp dịch vụ; (2) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet: Cung cấp văn bản xác nhận quyền sử dụng tên miền “.vn” hoặc dải địa chỉ IP do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ. (3) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu: Sơ đồ kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ, kèm theo thuyết minh sơ đồ kỹ thuật để làm rõ quá trình cung cấp dịch vụ từ Trung tâm thu phát qua mạng truyền dẫn nội dung đến thuê bao.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTTTT Hà Nội, ngày tháng năm 20..

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

(Có giá trị đến hết ngày thángnăm

Cấp lần đầu ngày.....thángnăm ...

Cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do.....cấp ngày.....tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....ngày....tháng.....năm.....và hồ sơ bổ sung số ...ngày..... tháng....năm của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch:.....
- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:- Fax:
- Email:

- Website:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....do....cấp ngày....tháng....năm.....

Được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định sau:

Điều 1. Loại hình dịch vụ

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp (tương tự/ kỹ thuật số/ giao thức Internet (IPTV))/ Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/ Dịch vụ truyền hình di động/ Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Điều 2. Quy định về kỹ thuật

1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:
 - Địa điểm chính:
 - Địa điểm dự phòng:
2. Các địa điểm trung tâm thu phát chuyển tiếp tại địa phương:
3. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh:
4. Phương thức truyền dẫn tín hiệu:
5. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:
6. Tần số phát sóng:
7. Khả năng chèn/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu:
8. Quy định khác về kỹ thuật:

Điều 3. Quy định về cung cấp dịch vụ

1. Phạm vi:
2. Đối tượng:
3. Phương thức quản lý thuê bao:
4. Chất lượng dịch vụ:
5. Nội dung thông tin:

Điều 4. Quy định khác

Ngoài các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, (tên doanh nghiệp) có trách nhiệm:

1. *Bảo đảm triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam và phạm vi thiết lập hạ tầng mạng viễn thông quy định tại Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng sốdo.....cấp ngày....tháng....năm.../ Giấy xác nhận tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ.*

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Nộp đầy đủ và đúng hạn phí quyền cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhập khẩu, phân phối, lắp đặt, vận hành trang thiết bị kỹ thuật phục vụ triển khai giấy phép và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp đường truyền tín hiệu và thiết bị giải mã tới địa điểm theo yêu cầu của cơ quan cấp phép hoặc cung cấp tài khoản sử dụng toàn bộ nội dung trên dịch vụ để phục vụ công tác quản lý.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày..... và thay thế cho/.

Nơi nhận:

- Tổ chức được cấp phép;
- Lãnh đạo Bộ phụ trách;
- Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
-
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo..
..cấp.....lần đầu ngày thángnăm...cấp.....ngày.....tháng...năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....do...cấp ngày.....tháng.....năm... (áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)

1. Đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH ¹²	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép) ¹³	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia						
1	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự - chính trị	01/GP-BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ

¹² Doanh nghiệp không phải kê khai.

¹³ Doanh nghiệp không phải kê khai.

				tổng hợp			của doanh nghiệp
II	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương						
2	Ví dụ: HTV9	Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh		Thời sự - chính trị tổng hợp		SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
III	Các kênh chương trình trong nước khác						
3	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao – Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
IV	Kênh chương trình nước ngoài						
4	Ví dụ: ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, ..

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH ¹⁴	GIẤY PHÉP SÀN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép) ¹⁵	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
-----	--	---	---	--	---	-----------------------------------	------------------------

¹⁴ Doanh nghiệp không phải kê khai.

¹⁵ Doanh nghiệp không phải kê khai.

1							
...							

3. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên doanh nghiệp) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên doanh nghiệp) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCN-KENH-PTTH&TTĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

(Có giá trị đến hết ngày thángnăm)

Cấp lần đầu ngày.....thángnăm ...

Cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

**CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHỨNG NHẬN:**

Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
(viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do ...
cấp lần đầu ngày....thángnăm; ...Cấp...ngày...tháng...năm...

- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ
truyền hình trả tiền số.....do....cấp ngày..... tháng.....năm (áp dụng đối với
trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục).

**1. Chứng nhận đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh
chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia					
1						
II	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương					
2						
III						

Các kênh chương trình trong nước khác						
3						
IV	Kênh chương trình nước ngoài					
4						

2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1						
2						
...						

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Việc cung cấp các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của hợp đồng/ thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số.....(áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục)/.

Nơi nhận:

- Tổ chức được cấp chứng nhận;
- Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c);
- Sở TTTT (phù hợp với phạm vi quản lý);
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng QLĐV, Văn phòng;
- Lưu: VT, P. PTTH.

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI
TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố.....

1. Thông tin chung:

- Tên (doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân) đăng ký thu/ làm đầu mối thiết lập thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh/ (ghi bằng chữ in hoa):
.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....do.....cấp ngày....tháng....năm....(đối với doanh nghiệp/ tổ chức)

- Thẻ thường trú số.... do.....cấp ngày....tháng....năm.....(đối với cá nhân)

- Văn bản thuê, mượn địa điểm (nếu có): (ghi rõ số văn bản, thời gian, thời hạn của hợp đồng).

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do....cấp....ngày....tháng...năm...(chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh).

- Giấy chứng nhận đăng ký (thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh số.....dongày.....thángnăm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi/bổ sung)

2. Đăng ký dịch vụ: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

2.1. Đăng ký sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình để thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

2.2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu kênh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh của doanh nghiệp

2.3. Đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

3. Nội dung chi tiết:

3.1. Tên các kênh chương trình thu:

STT	Tên/ biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/ nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình

3.2. Mục đích và phạm vi sử dụng:

3.3. Thiết bị sử dụng ¹⁶:

- Anten: bộ
Ký, mã hiệu:
- Đầu thu: bộ
Ký, mã hiệu:
- Vệ tinh phát sóng.....
- Thông số phát sóng.....

3.4. Địa chỉ lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập thiết bị thu*) hoặc tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu (*áp dụng với trường hợp sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp*):

3.5. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh ¹⁷:

3.6. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng ¹⁸:

(*Tổ chức/ doanh nghiệp/ cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC/ DOANH
NGHIỆP HOẶC CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN BẢN KÈM THEO

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập tổ chức...
- Bản sao Thẻ thường trú do... cấp
ngày...tháng...năm.....(đối với cá nhân)
- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm...

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

¹⁶ Đối tượng thuộc mục 2.2 không phải kê khai thông tin này. Đối tượng thuộc mục 2.3, trường hợp thu tín hiệu qua Internet: (1) không phải kê khai thông tin tại mục Anten, Đầu thu, Vệ tinh phát sóng; (2) kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục Thông số phát sóng.

¹⁷ Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

¹⁸ Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v báo cáo định kỳ số liệu nội
dung cung cấp trên dịch vụ phát
thanh, truyền hình trả tiền.

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:
- Số Giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông công cộng/ Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ (nếu có):

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 06/12 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 05/6 của năm báo cáo)
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 25/11 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 24/11 của năm báo cáo)

III. Nội dung báo cáo:

1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu đối với dịch vụ có cung cấp kênh chương trình (đánh dấu vào ô trống phù hợp)

- Cung cấp đủ theo quy định:
- Cung cấp không đủ theo quy định:

Lý do:.....

- Tỷ lệ người xem kênh thiết yếu (đối với dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet):

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo
1	VTV 1			
2	VTC 1			
3	ANTV			
4	QPVN			
5	QHVN			
6	Vnews			

7	Nhân dân		
---	----------	--	--

2. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị gia tăng: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Nội dung dịch vụ theo yêu cầu: Có Không

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/ phần)		Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)	
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
	1	2		3	
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				
2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: (*) doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.

+ Giá gói cước dịch vụ theo yêu cầu: (liệt kê đầy đủ thông tin về tên các gói cước, giá các gói cước nội dung theo yêu cầu):....

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có Không

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có Không

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có Không

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

**Người đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp**
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v báo cáo nhanh theo tháng

....., ngày tháng năm 20..

**BÁO CÁO NHANH THEO THÁNG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:

II. Thời gian báo cáo:

Tháng/20.....(số liệu báo cáo tháng tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng báo cáo).

III. Nội dung báo cáo:

- Về tỷ lệ người xem kênh thiết yếu quốc gia trên dịch vụ (đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet):

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo
1	VTV 1			
2	VTC 1			
3	ANTV			
4	QPVN			
5	QHVN			
6	Vnews			
7	Nhân dân			

- Về số liệu nội dung theo yêu cầu (đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet):

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình mới trong tháng (tập/ phần)	Tổng thời lượng chương trình mới trong tháng (phút)	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/ phần)	Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)
	1	2	3	4	5
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				

2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: (*) doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

**LẬP HỒ SƠ THEO DÕI NỘI DUNG
TRÊN DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU, DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ QUẢNG CÁO**

I. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu

1. Đối với nhóm nội dung: Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội (chương trình).

STT	Tên chương trình	Số lượng chương trình (tập/ phần)	Tổng thời lượng chương trình (phút)	Thời điểm bắt đầu cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)	Tên cơ quan báo chí sản xuất
	1	2	3	4	5	6
1						
2						
...						

2. Đối với nhóm nội dung: Phim.

STT	Tên phim	Nguồn phim (tích X vào ô phù hợp)		Số quyết định Hội đồng phân loại	Kết quả phân loại	Số lượng tập phim (tập)	Tổng thời lượng phim (phút)	Thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ (tích X vào ô phù hợp)		Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)
		Việt Nam	Nước ngoài					Có	Không		
	1	2		3	4	5	6	7		8	9
1											

2	...

3. Đối với nhóm nội dung: Chương trình thể thao, giải trí (chương trình).

STT	Tên chương trình	Nguồn chương trình (tích X vào ô phù hợp)		Thực hiện biên tập, phân loại (tích X vào ô phù hợp)	Số lượng chương trình (tập/phần)	Kết quả phân loại	Tổng thời lượng chương trình (phút)	Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	8
		Nguồn chương trình (tích X vào ô phù hợp)	Nam ngoài							
1		2		3		4	5	6	7	
2										
...										

II. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng/quảng cáo (GTGT/QC)

STT	Tên dịch vụ GTGT/QC	Tên chương trình có dịch vụ GTGT/QC	Thời lượng dịch vụ GTGT/QC	Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ GTGT/QC trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp dịch vụ GTGT/QC trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Đơn vị sản xuất nội dung GTGT/QC	7	
							Có	Không
1								
2								
...								

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm ...)

Cấp lần đầu ngày.....thángnăm ...

Cấp.....ngày.....tháng.....năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước số... do.....cấp ngày.....tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước số....do....cấp ngày....tháng.....năm.....và hồ sơ bổ sung số ...ngày.....tháng....năm..... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí hoạt động
phát thanh/ truyền hình (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số.....do..... cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

Được sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (Phát thanh hoặc Truyền hình)

- 1.1. Tên kênh chương trình:.....
- 1.2. Biểu tượng kênh chương trình:
- 1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:.....
- 1.4. Ngôn ngữ thể hiện:.....
- 1.5. Đối tượng phục vụ:.....
- 1.6. Thời gian phát sóng (từ.....giờ đến.....giờ):.....
- 1.7. Thời lượng phát sóng (...giờ/ ngày):
- 1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
 - Phát lần 1 (phát mới):
 - Phát lại:
- 1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:
- 1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:.....

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

.....

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/ Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/ Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/ Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/ Dịch vụ truyền hình di động/ Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí.....

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình của đơn vị được cấp phép).

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản/ cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép ./.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
-
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG

(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP
BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày.....thángnăm ...

Cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do.....cấp ngày.....tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số..... do....cấp ngày.....tháng.....năm...../ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung số ...ngày.....tháng....năm của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình
được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài
(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):

- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình: Cấp lần đầu ngày.....thángnăm ...; Cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

Được thực hiện biên tập kênh chương trình nước ngoài theo các quy định sau:

Điều 1. Quy định về kênh chương trình:

1. Tên kênh chương trình:

2. Biểu tượng kênh chương trình:

3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài (bao gồm cả tên viết tắt):
.....

4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài:

5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						

6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...):

7. Ngôn ngữ thể hiện:

8. Thời gian phát sóng/ ngày:

9. Thời lượng phát sóng/ ngày:

10. Độ phân giải hình ảnh:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

Điều 2. Quy định về biên tập, biên dịch:

1. Nội dung biên tập, biên dịch:

1.1. Biên tập:

1.2. Biên dịch:

2. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập:

Điều 3. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:

1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:.....

2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh:

Điều 4. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

Điều 5. Các quy định khác: Cơ quan báo chí.....

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm (hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn ghi trong Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình cấp cho (tên cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài).

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép.....(áp dụng đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, quảng cáo, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép./.

Nơi nhận:

- Tổ chức được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
-;
- Lưu: VT, Cục PTT&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT
ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.....tháng.....năm 20....

V/v báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập,
biên dịch nội dung theo yêu cầu

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT,
BIÊN TẬP, BIÊN DỊCH NỘI DUNG THEO YÊU CẦU**
(Dành cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động này)

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày tháng.... năm....

2. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 06/12 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 05/6 của năm báo cáo)

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 25/11 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 24/11 của năm báo cáo)

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan QLNN

3. Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

STT (1)	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung phát hành theo yêu cầu (AOD, VOD) (2)	Nhóm nội dung thực hiện (3)	Số lượng chương trình				Tổng thời lượng chương trình (đơn vị: phút)			
			Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài		Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài	
			Sản xuất (4)	Biên tập (5)	Biên dịch (nếu có) (6)	Biên tập (7)	Sản xuất (8)	Biên tập (9)	Biên dịch (nếu có) (10)	Biên tập (11)
1	Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AOD, VOD	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội								
		Phim								
		Chương trình thể thao, giải trí								

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
-;
- Lưu: